TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-PT
Ngày 19-01-2021
V/v Đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Bế Chiến
Các Thẩm phán: Ông Nông Hà Nam
Bà Nguyễn Thị Như

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Ma Thị Huyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Lục Văn Phách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2020/TLPT-DS ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc: *"Đòi lại tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2020/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 103/2020/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nông Thị B, sinh năm 1940

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nông Thị T (Theo Giấy ủy quyền ngày 17/02/2020). Có mặt

Cùng địa chỉ: Xóm M, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nông Văn D - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Bị đơn: Nông Văn Y, sinh năm 1969

Địa chỉ: Xóm M, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Có Mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Hoàng Thị L– Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nông Thị T, sinh năm 1972
2. Đàm Thị K, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Xóm M, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

(Bà T, bà K có mặt tại phiên tòa)

- Người làm chứng:

1. Đàm Thị R, sinh năm 1962
2. Nông Thị Th, sinh năm 1968
3. Đàm Minh G, sinh năm 1981
4. Nông Thị F, sinh năm 1944
5. Đàm Thị N, sinh năm 1990
6. Nông Thị L, sinh năm 1963
7. Ma Thị Ng, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: Xóm M, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

(Những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nông Văn Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/2/2020 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nông Thị B trình bày: Bà là mẹ chồng của chị T, còn anh Y là anh em họ hàng với gia đình bà. Ngày 30/3/2018 (ngày 14/2/2018 âm) chồng bà là Nông Văn Tr chết, vợ chồng bà có tiền bán bò nhưng đang gửi ở két sắt nhà Đàm Minh G (người cùng xóm) chưa đi lấy, nên bà bảo con dâu là Nông Thị T bỏ tiền cho Nông Văn Y số tiền 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) để mua giúp gia đình cỗ quan tài trước. Đến cuối tháng 3/2018 â, (không nhớ ngày) bà đi chơi gặp anh Y, Y hỏi bà lấy tiền mua áo quan để đem trả cho chị T (do lúc đó bà và con dâu T không thưa nhau), cũng trong khoảng thời gian đó cháu G đã lấy tiền bán bò trả cho bà là 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng) nên bà đã đưa cho anh Y số tiền 8.500.000đ để trả cho chị T. Tuy nhiên, anh Y đã không đưa tiền cho chị T.

Cho đến ngày 28/4/2019 âm bà nhờ bà Đàm Thị V (người cùng xóm) đi hỏi con dâu về việc anh Y đã trả tiền quan tài cho chưa, thì mới biết con dâu chưa nhận được tiền. Đến ngày 04/5/2019, bà trực tiếp đến hỏi Y thì anh Y trả lời "em không được nhận tiền với bá đâu, nếu được nhận tiền phải có người thứ ba chứng kiến". Nay bà B có đơn khởi kiện yêu cầu anh Nông Văn Y trả lại số tiền 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại bản tự khai ngày 08/5/2020 và các lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn Nông Văn Y trình bày: Anh với bà B có mối quan hệ họ hàng, anh gọi bà B là chị dâu, khi ông Tr chết anh đã đến giúp gia đình. Khoảng 9 giờ sáng ngày 14/2/2018 âm chị T đưa cho anh số tiền 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) để đi mua quan tài và một số đồ lễ khác. Khoảng 7 giờ sáng ngày 18/2/2018 âm anh đi ra ngoài đồng xem chị R có vun ngô không thì gặp bà B đang đứng ở góc nhà cháu H (người cùng xóm), bà B van xin anh giúp bà trả số tiền 8.500.000đ cho con dâu là T, anh đồng ý nên cầm tiền đi về nhà. Khi về đến dưới sàn nhà thì vợ anh là Đàm Thị K đang bước từ trên sàn xuống, anh đưa tiền cho vợ và nói cất đi để tí nữa đi ăn cơm trưa thì trả lại cho vợ chồng

S, T (con trai và con dâu bà B), vợ anh hỏi tiền gì, anh nói tiền quan tài, chị K nói tiền quan tài thì không đem vào nhà đâu, nên anh và vợ liền cầm tiền đem trả lại cho bà B. Trên đường đi sang nhà bà B thì gặp chị Th, khi đến nhà bà B thì thấy chị R đang vun ngô ở đám ruộng gần đấy. Lúc vợ anh trả lại tiền bà B có chị Nông Thị Th và bà Đàm Thị R chứng kiến, bà B nhận lại tiền và đếm không có ý kiến gì. Nay bà B yêu cầu trả tiền quan tài anh không nhất trí do đã trả cho bà B rồi.

Tại bản tự khai ngày 12/5/2020 và các lời khai trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nông Thị T trình bày: Ngày 14/2/2018 âm, bố chồng chị là ông Nông Văn Tr chết đột ngột, chị có đưa cho anh Y là người cùng xóm số tiền 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) để mua giúp gia đình cỗ quan tài và một số đồ lễ. Sau khi chôn cất bố chồng chị được vài ngày, anh Y hỏi mẹ chồng chị (bà B) lấy số tiền 8.500.000đ để trả cho chị, khi bà B đưa tiền thì anh Y lại không đưa chị. Nay chị T nhận ủy quyền của nguyên đơn Nông Thị B yêu cầu anh Y tổng cộng số tiền 12.604.000 (Mười hai triệu sáu trăm linh bốn nghìn đồng), bao gồm các khoản sau:

1. Tiền quan tài là 8.500.000đ;

2. Tiền lãi chậm trả (tính từ tháng 4/2018 đến tháng 7/2020) 27 tháng:

8.500.000đ x 10%/năm x 27 tháng = 1.904.000đ;

3. Tiền công mất thu nhập trong những ngày đến các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết vụ việc (Công an huyện 3 ngày, Tòa án huyện 3 ngày, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng 2 ngày):

8 ngày x 200.000đ/ngày = 1.600.000đ;

4. Chi phí đi lại số tiền 600.000đ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/5/20202 và các lời khai trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đàm Thị K trình bày: Chị là vợ anh Nông Văn Y, ngày 14/2/2018 âm chồng bà B chết, chị T đưa tiền cho chồng chị để mua giúp cỗ quan tài. Đến ngày 18/2/2018 âm, khi chị đang ở dưới sàn nhà, anh Y đưa tiền và nói cất đi, chị hỏi tiền gì, anh nói tiền quan tài, chị liền bảo tiền quan tài thì không đem vào nhà được đâu mang trả lại cho bà B, rồi hai vợ chồng chị quay lại trả tiền cho bà B. Lúc đến nhà bà B thì thấy bà B đang đứng ở trên sản, chị nói rồi đứng ở dưới sàn nhà đưa số tiền 8.500.000đ lên, bà B ngồi xuống đón lấy tiền và không có ý kiến gì. Thời điểm trả tiền có chị Nông Thị Th và bà Đàm Thị R cùng chứng kiến. Vị trí từng người đứng khi chị đưa tiền cho bà B: Chị R, chị Th và chồng chị đứng ở đằng sau chị. Sau đó cả bốn người đi giúp chị R vun ngô.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2020 và các lời khai tại Tòa án, người

làm chứng Nông Thị Th trình bày: Chị là chị gái ruột của Nông Văn Y. Ngày 18/2/2018 âm là ngày lại mặt ông Tr chết (3 ngày), chị đi giúp chị R vun ngô ở thửa ruộng cách nhà bà B khoảng 10-15 mét, khi đến dưới sàn nhà anh Y thì gặp anh Y đang đưa tiền cho vợ (K) và nghe được Y nói: Đây là tiền quan tài bà B nhờ đem đi trả cho Biểu (con trai bà B); nghe được chị K nói: Tôi phục vụ lễ tang ông Tr nghe được gia đình bà B bàn bạc, khi nào G mở két lấy tiền bán bò về thì trả cho vợ chồng Biểu sau, con đây là tiền tiêng của bà B nên không cầm, rồi K cầm tiền từ tay Y đem trả cho bà B gồm 17 tờ tiền mệnh giá 500.000đ. Khi đến dưới sàn nhà bà B chị thấy bà B đang dọn dẹp ở trên sản, K đứng ở dưới sản nói tiếng dân tộc tày: Bá B ơi, em đưa tiền lúc nãy bá đưa cho anh Y trả lại cho bá để bá khác trả lại cho con trai, rồi đưa tiền từ dưới sàn nhà lên, bà B ở trên sàn nhà nhận, ngồi trên sàn nhà đếm tiền luôn không nói gì thêm. Vị trí từng người đứng lúc chị K trả tiền: Ở cầu thang nhà bà B, cả bốn người gồm chị, vợ chồng Y và chị R đứng hàng ngang, 3 người gồm vợ chồng Y và chị đứng cạnh cầu thang bên tay phải (tính từ nhà đi xuống), chị K đứng sát thang đưa tiền, chị đứng giữa vợ chồng Y; còn chị R đứng cạnh thang bên trái.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2020 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, người làm chứng bà Đàm Thị R trình bày: Chị là chị dâu họ của anh Y, có mối quan hệ anh em gần hơn với bà B. Khoảng 7 giờ ngày 18/2/2018 âm là ngày lại mặt ông Tr chết (3 ngày), khi chị đang vun ngô thì thấy vợ chồng anh Y và chị Th đang đứng nói chuyện dưới sàn nhà bà B, chị đi vào gần thấy chị K đếm tiền cho bà B,. Nghe chị K nói là trả tiền quan tài cho bá. Khi chị đến chỗ trả tiền đã thấy bà B đứng ở bậc thang thứ nhất (tính từ dưới đất lên) quay mặt xuống dưới sàn nói chuyện, 3 người gồm Y, K và Th đứng hàng ngang phía dưới thang bên phải (tính từ nhà bà B đi xuống) quay về phía bà B nói chuyên, chị K đứng giữa, chị đến sau nên đứng đằng sau giữa khe chị K và chị Th đang đứng. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ Th chị R lại khai khi chị K đưa tiền 4 người gồm Y, K, R và Th đều đứng hàng hàng ngang còn bà B đứng ở trên sàn nhận tiền.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2020 người làm chứng Đàm Minh G trình bày: Bà B là hàng xóm với anh, còn anh Y là anh rể họ. Trước ngày ông Tr chết khoảng 3, 4 ngày ông Tr bán một con bò được 27.500.000đ, do nhà anh có két sắt nên ông Tr gửi số tiền đó nhờ anh cầm hộ. Sau ông Tr chết khoảng 20 ngày anh mang số tiền trên đến nhà bà B để lên bàn thờ ông Tr thắp hương xong mới đưa cho bà B. Ngoài ra anh G đề nghị giải quyết vắng mặt anh tại các phiên hòa giải cũng như ở phiên tòa các cấp.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/6/2020 người làm chứng Nông Thị F trình bày: Bà có mối quan hệ họ hàng với nguyên đơn và bị đơn. Khoảng 9 giờ

sáng (ngày, tháng cụ thể không nhớ) trên đường đi tìm thuốc nam về bà gặp bà B với anh Y, thấy anh Y đưa tiền cho bà B 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) tại gần nhà cháu H cùng xóm, ông Y nói là tiền quan tài. Ngoài ra bà F xin không tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Tại biên bản lời khai ngày 17/6/2020 người làm chứng Nông Thị L và Đàm Thị N trình bày: Cả hai người làm chứng đều có quan hệ họ hàng với nguyên đơn và bị đơn. Khoảng 10 ngày 03/4/2018 (tức ngày 18/2/2018) bà L và chị N đến ăn cơm trưa nhà bà B, do gần đến giờ cơm trưa mới đến nên hai người làm chứng đều không biết buổi sáng hôm đó bà B làm gì. Ngoài ra bà L và chị N cùng xin không tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Tại biên bản lời khai ngày 17/6/2020 người làm chứng Ma Thị Ng trình bày: Chị là hàng xóm của nguyên đơn và bị đơn. Khoảng 8 giờ sáng ngày 03/4/2018 (tức ngày 18/2/2018 âm) chị đến nhà bà B giúp làm bếp, hôm đấy có em N và bà Liên cũng cùng giúp làm bếp. Khoảng thời gian đó chị thấy bà B còn nằm ngủ trong giường, vừa ngủ vừa khóc; đến giờ cơm trưa gọi dậy bà mới ra ăn. Chị không thấy vợ chồng anh Y vun ngô ở thửa ruộng gần nhà bà B vào sáng ngày 03/4/2018. Ngoài ra, chị Ng xin không tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nông Văn D trình bày: Qua lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thấy rằng, việc bà B đưa tiền là sau lễ tang ông Tr khoảng 1 tháng chứ không phải sau 4 ngày như lời khai của anh Y, được thể hiện qua lời khai của những người làm chứng Nông Thị F và Đàm Minh G. Còn anh Y khai đã trả lại tiền bà B, có những người làm chứng là Nông Thị Th và Đàm Thị R đều là người nhà là không bảo đảm khách quan. Căn cứ các Điều 166 và 357 Bộ luật dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Nông Thị B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Hoàng Thị L trình bày: Theo đơn khởi kiện bà B cho rằng đã đưa tiền cho ông Y nhờ đưa cho con dâu sau ông Tr ra đồng được vài ngày, chứ không phải gần một tháng như các lời khai sau. Theo chị T khai tại phiên tòa cho rằng bà B không nhớ thời gian đưa tiền cụ thể cho anh Y là do có tuổi; như vậy cũng có thể suy luận bà B đã nhận tiền từ anh Y rồi mà không nhớ. Tại phiên tòa, những người làm chứng bên nguyên đơn đều không có mặt trong khoảng thời gian các bên đương sự trả tiền (từ 7 giờ đến 7 giờ 30 phút). Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu trả gốc và lãi cùng các chi phí khác đối với số tiền mua quan tài 8.500.000đ; thấy rằng đây là quan hệ đồi lại tài sản theo Điều 166 Bộ luật dân sự chứ không phải quan hệ vay mượn nên nguyên đơn yêu cầu trả lãi là không có căn cứ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Vụ án đã được hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án dân sự sơ Th số 06/2020/DS-ST ngày 30/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng đã:

Căn cứ các Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Nông Thị B.

Buộc bị đơn Nông Văn Y phải trả khoản tiền mua quan tài là 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) cho bà Nông Thị B, trú tại Xóm M, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

2. Bác yêu cầu đòi tiền công mất thu nhập và chi phí đi lại số tiền 4.104.000đ (Bốn triệu một trăm linh tư nghìn đồng) của đại diện nguyên đơn chị Nông Thị T vì không có căn cứ pháp luật.

Kể từ ngày bà B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Y không trả khoản tiền trên, thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13 tháng 8 năm 2020 bị đơn Nông Văn Y có đơn kháng cáo không nhất trí với bản án dân sự sơ Th số 06/2020/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Nông Văn Y giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án của Tòa án cấp sơ thẩm. Cũng tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nông Thị T không nhất trí với kháng cáo của bị đơn, đề nghị HĐXX phúc thẩm bác kháng cáo của ông Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm: Quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, qua nghe kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đủ căn cứ để khẳng định việc ông Y, bà K trả lại tiền cho bà Nông Thị B là không có cơ sở, bản án số 06/2020/DS-ST ngày 30/7/2020 của TAND huyện Q, tỉnh Cao Bằng là có căn cứ. Kháng cáo của bị đơn Nông Văn Y không có căn cứ

chấp nhận, đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, qua nghe kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Nông Thị B khởi kiện yêu cầu bị đơn Nông Văn Y trả lại số tiền 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng), cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Đòi lại tài sản" là có căn cứ.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Ngày 30/7/2020 Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng tuyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST về việc "Đòi lại tài sản" giữ nguyên đơn Nông Thị B và bị đơn Nông Văn Y. Đến ngày 13/8/2020 bị đơn Nông Văn Y có đơn kháng cáo. Xét thấy đơn kháng cáo của ông Y nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy đơn kháng cáo của bị đơn Nông Văn Y là hợp pháp.

[3] Xét kháng cáo và các căn cứ kháng cáo của bị đơn Nông Văn Y:

Tại bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Nông Thị B và bị đơn Nông Văn Y đều thừa nhận ngày 30/3/2018, anh Y có được nhận khoản tiền 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) là tiền mua áo quan và đồ lễ từ chị Nông Thị T, sau đó anh Y lại tiếp tục nhận 8.500.000đ từ bà Nông Thị B để trả cho vợ chồng Nông Thị T, Nông Văn S. Tuy nhiên bà B cho rằng anh Y chưa trả số tiền trên cho chị T nên bà khởi kiện, còn anh Y cho rằng đã được trả lại số tiền đó cho bà B.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn Nông Thị B khai nhận, thời gian ông Tr chết là ngày 30/3/2018 (tức ngày 14/2/2018 âm), bà B có bảo chị T đưa cho anh Y số tiền 8.500.00đ để mua áo quan và một số đồ tang lễ. Sau đó đến cuối tháng 3 âm, anh Y hỏi bà lấy số tiền như trên để trả cho chị T, tuy nhiên anh Y lại không đưa số tiền đó cho chị T.

Bị đơn Nông Văn Y khai nhận, sau 04 ngày (tức ngày 18/2/2018 âm) ông Tr chết anh đã được trả lại tiền 8.500.000đ cho bà B bởi vì vợ anh là chị Đàm Thị K không cho mang số tiền trên vào nhà. Việc anh trả lại tiền cho bà B có chị Th, chị R chứng kiến.

Tại Bản kết thúc điều tra giải quyết vụ việc số 07/KTĐT ngày 10/02/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Uyên kết luận:

Về mặt thời gian trả tiền cho bà B, ông Nông Văn Y trình bày là ngày 04/5/2018 (tức sau 04 ngày ông Tr chết) là không có căn cứ, bởi vì: sáng ngày 04/5/2018 (hôm lại mặt ông Tr chết) có 03 người đến giúp gia đình bà B làm bếp cho bữa ăn trưa gồm có: Chị Ma Thị Ng, sinh năm 1990, chị Nông Thị L, sinh năm 1963 và chị Đàm Thị N, sinh năm 1990, các chị đều cùng trú tại xóm M đến giúp làm bếp từ sáng sớm và đều khẳng định buổi sáng 04/5/2018 không thấy mặt bà K, ông Y, bà Th và bà R xuất hiện dưới sản nhà bà B lúc nào để đưa tiền cho bà B.

Việc giao nhận tiền giữa ông Y và bà B không có chứng từ hoặc giấy tờ nào khác. Theo lời trình bày của ông Y, bà K và những người chứng kiến việc đưa tiền cho bà B đều là những người có mối quan hệ ruột thịt trong gia đình (bà Nông Thị Th là chị gái ruột của ông Y; bà Đàm Thị R là chị dâu ông Y, vì bố chồng bà R là anh trai ruột của bố ông Y), xét thất không đảm bảo tính khách quan.

Như vậy, căn cứ vào các lời khai của nguyên đơn, bị đơn và những người làm chứng có sự mâu thuẫn với nhau. HĐXX xét thấy lời khai giữa những người làm chứng về các tình tiết sự kiện không thống nhất về mặt thời gian, địa điểm. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nông Thị B yêu cầu anh Nông Văn Y trả lại số tiền 8.500.000đ là có căn cứ.

Đối với số tiền phát sinh do chị Nông Thị T yêu cầu là 1.904.000đ và khoản tiền công mất thu nhập trong những ngày đến các cơ quan có Th quyền để giải quyết vụ việc số tiền 2.200.000đ, xét thấy đây là yêu cầu không có căn cứ do đó Tòa án cấp sơ Th không chấp nhận yêu cầu trên là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của anh Nông Văn Y không được Tòa án chấp nhận nên anh Y phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nông Văn Y, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 30/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Xử:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Nông Thị B.

Buộc bị đơn Nông Văn Y phải trả khoản tiền mua quan tài là 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) cho bà Nông Thị B, trú tại Xóm M, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

2. Bác yêu cầu đòi tiền công mất thu nhập và chi phí đi lại số tiền 4.104.000đ (Bốn triệu một trăm linh tư nghìn đồng) của đại diện nguyên đơn chị Nông Thị T vì không có căn cứ pháp luật.

Kể từ ngày bà B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Y không trả khoản tiền trên, thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

Nguyên đơn Nông Thị B được miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được tòa án chấp nhận.

Bị đơn Nông Văn Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 425.000đ (Bốn trăm hai mươi năm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Bị đơn Nông Văn Y phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận anh Y đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số AA/2016/0000953 ngày 13/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh
- CCTHADS huyện Q;
- TAND huyện Q;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nông Bế Chiến